TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 29-5-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-PT ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H – Sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn P – Sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông P về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thùy L; địa chỉ: 111 C, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Ngân hàng chính sách xã hội huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn M - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện E tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:**

Bà H và ông P sống chung với nhau vào năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau một thời gian sống chung hạnh phúc thì bà H và ông P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông P thường xuyên đánh đập bà H, nhiều lần chính quyền địa phương phải can thiệp và bà H cũng đã cố gắng để sống hòa thuận hạnh phúc nhưng ông P vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Nay bà H không thể tiếp tục sống chung với ông P, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông Võ Văn P.

Về con chung: Bà H và ông P có 03 người con chung là Võ Văn T, sinh năm 1997; Võ Văn P1, sinh năm 1999; Võ Thị M, sinh ngày 15/02/2001. Hiện tại có hai con chung là Võ Văn T và Võ Văn P1 đã trưởng thành , nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại con chung Võ Thị M bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Trong quá trình sống chung bà H cho rằng bà H và ông P tạo lập được một số tài sản và bà H yêu cầu Tòa án chia gồm:

01 lô đất ở diện tích 540m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 50m^2 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ).

01 lô đất rẫy có diện tích 665m^2, trên đất trồng cây ăn trái vào tháng 6/2018 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ).

01 lô đất rẫy có diện tích 4.650m^2, trên đất trồng tiêu nhưng hiện tại đã bị chết chỉ còn lại trụ gỗ và trồng 100 cây bơ vào năm 2018 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ).

01 lô đất 61.000m^2 thuộc đất quản lý của lâm trường EW, diện tích đất trên đã được thu hồi năm 2018 để giao lại cho công ty X và được đền bù số tiền 360.000.000 đồng, số tiền này do ông P nhận, nên bà H yêu cầu chia ½ số tiền.

Về nợ chung: Bà H, ông P vay Ngân hàng NN & PTNT- CN ER - Bắc Đắk Lắk 50.000.000 đồng, nhưng sau khi bà H bỏ đi, ông P đã trả hết nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi là 52.464.583 đồng.

Hiện bà H, ông P còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện E 12.000.000 đồng.

*** Quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Văn P trình bày:**

Ông P và bà H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì ông P phát hiện bà H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, nên hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến ngày 22/11/2017 (âm lịch) thì bà H bỏ nhà đi đến nay không về. Hiện ông P và bà H không còn tình cảm, do đó ông P chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà Dương Thị H.

Về con chung: Ông P và bà H có 03 người con chung là Võ Văn T, sinh năm 1997; Võ Văn P1, sinh năm 1999; Võ Thị M, sinh năm 2001. Hiện tại có hai con chung là Võ Văn T và Võ Văn P1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại con chung Võ Thị M thì tùy theo nguyện vọng của cháu M ở với ai người đó nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung:

Trong quá trình chung sống chúng tôi có các tài sản sau:

01 lô đất ở diện tích 540m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 50m^2 tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ).

01 lô đất rẫy có diện tích 665m^2, trên đất trồng cây ăn trái tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ).

01 lô đất rẫy có diện tích 4.650m^2, trên đất trồng tiêu nhưng hiện tại đã bị chết chỉ còn lại trụ gỗ tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đất đã được cấp GCNQSDĐ). Đây là tài sản do bố mẹ tôi cho tôi làm, do đó tôi không đồng ý chia tài sản này cho bà H.

Đối với 01 lô đất diện tích 61.000m^2 thuộc đất quản lý của lâm trường EW, diện tích đất trên đã được thu hồi năm 2018 để giao lại cho công ty CIC và được đền bù số tiền 360.000.000 đồng. Đây là tài sản riêng của ông P, nên ông P không đồng ý chia số tiền này cho bà H.

Về nợ chung: Ông P, bà H vay Ngân hàng NN & PTNT- CN ER- Bắc Đắk Lắk 50.000.000 đồng, sau khi bà H bỏ đi, ông P đã trả nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 52.464.583 đồng.

Hiện ông P, bà H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện E 12.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện E trình bày:**

Ngày 22/5/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện E cho

ông Võ Văn P và người thừa kế là bà Dương Thị H vay tín chấp với số tiền là 12.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng là 22/5/2019 (thời hạn vay là 48 tháng), lãi suất là 0,75%/tháng theo chương trình vay nước sạch vệ sinh môi trường. Tổng số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2015 đến ngày 22/10/2018 ông Võ Văn P đã trả là 3.988.474 đồng. Còn lại 12.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ thời điểm ngày 22/10/2018 trở về sau. Nay ông P, bà H ly hôn, phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện E yêu cầu ông P, bà H phải trả tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày thanh lý hợp đồng tín dụng theo thực tế và yêu cầu một bên đương sự phải trả nợ cho ngân hàng tiền gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thực tế.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo đã quyết định:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 16; Điều 38; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị H và ông Võ Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Thị M, sinh năm 2001 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Ông P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

3.1 Chia cho bà Dương Thị H các tài sản sau:

01 lô đất diện tích 540m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số R 402934 cấp ngày 08/11/2000 mang tên hộ ông Võ Văn P. Trên đất có các tài sản sau: 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 40m^2 + 01 nhà quán diện tích 24m^2. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất được xác định có giá trị là 157.517.216 đồng. Đối với giá trị tài sản này, ông P và bà H mỗi người được chia ½ giá trị. Vì bà H được nhận tài sản, nên bà H có trách nhiệm trả cho ông P (157.517.216 đồng : 2) = 78.758.608 đồng.

01 lô đất diện tích 665m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số AĐ 816075 cấp ngày 09/6/2006 mang tên hộ ông Võ Văn P và bà Dương Thị H. Trên đất có các tài sản sau: 04 cây bơ thường; 04 cây mẫn cầu na; 30 cây chuối; 02 cây chôm chôm; 03 cây dừa xiêm; 04 cây chè xanh; 04 cây gòn; 01 cây cóc; 01 cây lòng mức. Tổng giá trị đất được xác định có giá trị là 24.201.000 đồng. Đối với giá trị tài sản này, ông P và bà H mỗi người được nhận ½ giá trị. Vì bà H được nhận tài sản, nên bà H có trách nhiệm trả cho ông P (24.201.000 đồng : 2) = 12.100.500 đồng.

Bà Dương Thị H được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất hai thửa đất này.

3.2 Chia cho ông Võ Văn P các tài sản sau:

01 lô đất diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số CG 202778 cấp ngày 22/02/2017 mang tên ông Võ Văn P. Trên đất có các tài sản sau: 500 cây cà phê; 440 trụ tiêu; 20 cây gòn; 50 gốc chanh dây; 01 cây mít thường. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 152.667.400 đồng. Ông Phương phải có trách nhiệm trả cho bà H 40% giá trị tài sản được chia là (152.667.400 x 40%) = 61.066.960 đồng.

Ông P đã nhận số tiền bồi thường là 360.000.000 đồng, nên ông P phải có trách nhiệm trả cho bà H ½ giá trị tài sản được chia là (360.000.000 đồng : 2) = 180.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản bà H được nhận là: (157.517.216 đồng + 24.201.000 đồng) = 181.718.216 đồng. Nhưng thực tế bà H được chia là (78.758.608 đồng + 12.100.500 đồng + 61.066.960 đồng + 180.000.000 đồng) = 331.926.068 đồng.

Tổng giá trị các tài sản ông P được nhận là: (152.667.400 đồng + 360.000.000 đồng) = 512.667.400 đồng. Nhưng thực tế ông P được chia là (78.758.608 đồng + 12.100.500 đồng + 91.600.440 đồng + 180.000.000 đồng) = 362.459.548 đồng.

Như vậy, phần giá trị tài sản ông P được nhận nhiều hơn phần tài sản ông P được chia, phần giá trị tài sản bà H được nhận ít hơn phần tài sản bà H được chia. Nên ông P có trách nhiệm trả cho bà H phần chênh lệch tài sản được chia là (512.667.400 đồng – 362.459.548 đồng) = 150.207.852 đồng.

4. Về nợ chung:

4.1, Ông P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện E 12.000.000 đồng.

Bà H phải có trách nhiệm trả lại cho ông P ½ số tiền mà ông P phải trả nợ cho Ngân hàng là (12.000.000 đồng : 2) = 6.000.000 đồng.

4.2, Công nhận việc ông P đã trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT-CN ER-Bắc Đắk Lắk với số tiền 52.464.583 đồng. Bà H phải có trách nhiệm trả lại cho ông P ½ số tiền mà ông P đã trả nợ cho Ngân hàng là (52.464.583 đồng : 2) = 26.232.291 đồng.

Tổng số tiền bà H phải trả lại cho ông P là (6.000.000 đồng + 26.232.291 đồng) = 32.232.291 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, để tính lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền nói trên.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản, tiền án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 01/02/2019 bị đơn ông Võ Văn P kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H' Leo với nội dung: Phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đầy đủ, trung thực về tài sản chung của vợ chồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Tại cấp phúc thẩm ông P xác định kháng cáo những nội dung như sau:

Đối với khoản tiền 360.000.000đ nhận tiền đền bù, khi ông ốm nặng bà H bỏ nhà đi ông đã dùng số tiền này chi phí chữa bệnh và trả nợ ngân hàng còn lại 100.000.000đ ông đề nghị chia mỗi người 1/2.

Đối với lô đất ở có diện tích 540m^2, có 01 căn nhà xây cấp 4 và 01 nhà quán trên đất ông đề nghị giao cho ông để ông có chỗ ăn ở và thờ cúng, ông đền bù giá trị đất và tài sản trên đất cho bà H.

Đối với diện tích đất 665m^2 ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông đề nghị Tòa án giao cho ông được quyền sỡ hữu, ông sẽ thanh toán lại tiền cho bà H.

Đối với diện tích đất 4.650m^2, nguồn gốc lô đất do bố mẹ ông cho một mình ông canh tác, khi bố mẹ chết ông làm GCNQSDĐ đứng tên một mình ông, ông không đồng ý đây là tài sản chung và không đồng ý chia cho bà H 40% giá trị tài sản.

Về nợ chung: Ông đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần nợ gốc nhưng chưa quyết định về phần lãi suất, ông đề nghị chia đôi mỗi người phải chịu 1/2 tiền lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Dương Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn P bà Bùi Thị Thùy L xin rút các nội dung kháng cáo chỉ đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giao cho ông Võ Văn P lô đất ở có diện tích 540m^2, có 01 căn nhà xây cấp 4 và 01 nhà quán trên đất để ông có chỗ ăn ở và thờ cúng, ông chấp nhận đền bù giá trị đất và tài sản trên đất cho bà H. Đối với các nội dung khác ông đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn P – Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24/01/2019, của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn P xác định lô đất có diện tích 4.650m^2 tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số CG 202778 cấp ngày 22/02/2017 mang tên ông Võ Văn P và các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng nên ông đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm chia cho bà H 40% giá trị tài sản.

Đối với số tiền 360.000.000đ nhận tiền đền bù; diện tích đất 665m^2 và tài sản trên đất, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số AĐ 816075 cấp ngày 09/6/2006 mang tên hộ ông Võ Văn P, bà Dương Thị H; số tiền nợ tại ngân hàng chính sách xã hội huyện E ông đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên rút đơn kháng cáo không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét. Xét thấy việc rút các nội dung kháng cáo nêu trên của người

đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn P. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với lô đất ở có diện tích 540m^2 tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số R 402934 cấp ngày 08/11/2000 mang tên hộ ông Võ Văn P. Trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 40m^2 + 01 nhà quán diện tích 24m^2, ông P kháng cáo đề nghị Tòa án giao cho ông để ông có chỗ ăn ở, thờ cúng và ông có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Dương Thị H là phụ nữ và đang ở cùng các con chung, hiện tại bà H không có nơi ở nào khác. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ và các con chung cấp sơ thẩm giao cho bà H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 540m^2 và các tài sản trên đất có giá trị 157.517.216 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông P là không có căn cứ.

[3] Về nợ chung của ngân hàng chính sách xã hội huyện E. Xét thấy bản án sơ thẩm chỉ giải quyết về nợ gốc mà không giải quyết đối với lãi suất là vi phạm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Văn P xác nhận đã thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi cho ngân hàng là 16.652.581 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi suất 4.652.571 đồng). Ông P đề nghị Tòa án buộc bà H phải thanh toán cho ông ½ số tiền gốc như quyết định của bản án sơ thẩm, đối với khoản lãi suất đã thanh toán ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án là chưa chính xác mà cần áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn P - Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn P – Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ

thẩm số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Căn cứ các điều 213, 219 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 16, Điều 38; khoản 2 Điều 53; các điều 58, 59, 62, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị H và ông Võ Văn P.

[2] Về con chung: Giao con chung Võ Thị M, sinh năm 2001 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề cập giải quyết.

Ông Phương có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung:

- Giao cho ông Võ Văn P 01 lô đất diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số CG 202778 cấp ngày 22/02/2017 mang tên ông Võ Văn P. Trên đất có các tài sản sau: 500 cây cà phê; 440 trụ tiêu; 20 cây gòn; 50 gốc chanh dây; 01 cây mít thường. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 152.667.400 đồng.

- Giao cho bà Dương Thị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt lô đất diện tích 540m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số R 402934 cấp ngày 08/11/2000 mang tên hộ ông Võ Văn P. Trên đất có các tài sản sau: 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 40 m^2 + 01 nhà quán diện tích 24 m^2. Giá trị đất và tài sản trên đất 157.517.216 đồng.

- Giao cho bà Dương Thị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt lô đất diện tích 665m^2, tọa lạc tại thôn B, xã C, huyện E, đã được UBND huyện E cấp GCNQSDĐ số AĐ 816075 cấp ngày 09/6/2006 mang tên hộ ông Võ Văn P và bà Dương Thị H. Trên đất có các tài sản sau: 04 cây bơ thường; 04 cây mẫn cầu na; 30 cây chuối; 02 cây chôm chôm; 03 cây dừa xiêm; 04 cây chè xanh; 04 cây gòn; 01 cây cóc; 01 cây lồng mức. Giá trị đất và tài sản trên đất 24.201.000 đồng.

Ông P đã nhận số tiền bồi thường là 360.000.000 đồng nên ông P phải có trách nhiệm trả cho bà H ½ giá trị tài sản được chia là 180.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản bà H được nhận là: (157.517.216 đồng + 24.201.000 đồng) = 181.718.216 đồng. Nhưng thực tế bà H được chia là (78.758.608 đồng + 12.100.500 đồng + 61.066.960 đồng + 180.000.000 đồng) = 331.926.068 đồng.

Tổng giá trị các tài sản ông P được nhận là: (152.667.400 đồng + 360.000.000 đồng) = 512.667.400 đồng. Nhưng thực tế ông P được chia là (78.758.608 đồng + 12.100.500 đồng + 91.600.440 đồng + 180.000.000 đồng) = 362.459.548 đồng.

Như vậy, phần giá trị tài sản ông P được nhận nhiều hơn phần tài sản ông P được chia, phần giá trị tài sản bà H được nhận ít hơn phần tài sản bà H được chia. Nên ông P có trách nhiệm trả cho bà H phần chênh lệch tài sản được chia là (512.667.400 đồng – 362.459.548 đồng) = 150.207.852 đồng.

Bà Dương Thị H được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với các tài sản được giao.

[4] Về nợ chung:

Công nhận việc ông P đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tổng số tiền 16.652.581 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi suất 4.652.571 đồng). Bà H phải có trách nhiệm trả lại cho ông P ½ số tiền gốc mà ông P phải trả nợ cho Ngân hàng là 6.000.000 đồng.

Công nhận việc ông P đã trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT- CN ER- Bắc Đắk Lắk với số tiền 52.464.583 đồng. Bà H phải có trách nhiệm trả lại cho ông P ½ số tiền mà ông P đã trả nợ cho Ngân hàng là 26.232.291 đồng.

Tổng số tiền bà H phải trả lại cho ông P là 32.232.291đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền nói trên.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H, ông P mỗi người phải chịu 1.750.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá.

Bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp 3.500.000 đồng, trả lại cho bà H 1.750.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá đã nộp sau khi thu được của ông P.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 18.207.917 đồng tiền án phí DSST (về phần chia tài sản chung và nợ chung). Được khấu trừ 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2017/0004250 ngày 09/7/2018. Bà H phải tiếp tục nộp 14.457.917đồng.

Ông Võ Văn P phải chịu 18.422.977 đồng tiền án phí DSST.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được trả lại số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009142 ngày 21/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H' Leo;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng